

Số: **A**, ngày 27 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1411/2024/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: 93, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: 93, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: K1/91C, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ông **Nguyễn Thanh B** và bà **Lê Thị T** thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Thanh B** và bà **Lê Thị T** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông **Nguyễn Thanh B** và bà **Lê Thị T**.

Giao con chung cháu **Nguyễn Quốc B1**, sinh ngày 18/01/2014 cho bà **Lê Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **Nguyễn Thanh B** cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Nguyễn Quốc B1**, sinh ngày 18/01/2014 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đối với con chung cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 14/01/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh B chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị T.

Giao con chung cháu Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 18/01/2014 cho bà Lê Thị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 18/01/2014 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đối với con chung cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 14/01/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh B chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông **Nguyễn Thanh B** và bà **Lê Thị T** phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0003997 ngày 28/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí ông **Nguyễn Thanh B** và bà **Lê Thị T** đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Kim Dung**